

TRẦN THỊ TỐ OANH

**MODULE TH**

**41**

**GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG  
CHO HỌC SINH TIỂU HỌC  
QUA CÁC HOẠT ĐỘNG  
GIÁO DỤC**

## **A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN**

Hoạt động giáo dục là một trong những phương tiện quan trọng thực hiện giáo dục KNS. Vì thế, việc khám phá các khả năng giáo dục KNS thông qua hoạt động giáo dục là rất cần thiết cho các GV.

Giáo dục KNS qua các hoạt động giáo dục dựa vào dạy học hợp tác. Nó thể hiện dưới nhiều hình thức, với các mức độ phức tạp khác nhau tùy theo sự phát triển của người học.

Module này sẽ làm rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, các hình thức giáo dục KNS thông qua các hoạt động giáo dục ở bậc Tiểu học.

## **B. MỤC TIÊU**

Hiểu rõ về mục tiêu, nguyên tắc, yêu cầu của hoạt động giáo dục, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục trong giáo dục KNS cho học sinh tiểu học.

Xác định các KNS cơ bản và các nội dung giáo dục KNS trong một số hoạt động giáo dục ở tiểu học.

Mô tả được các phương pháp, kĩ thuật giáo dục KNS cho học sinh trong một số hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.

## **C. NỘI DUNG**

1. Tìm hiểu những vấn đề cơ bản về giáo dục KNS qua các hoạt động giáo dục.
2. Tìm hiểu các hoạt động giáo dục.
3. Tìm hiểu nội dung KNS trong các hoạt động giáo dục – Chiếc túi thần kì (chủ đề và các KNS liên quan).
4. Tìm hiểu phương pháp và kĩ thuật giáo dục KNS trong các hoạt động giáo dục.
5. Kiểm tra, đánh giá.

## Nội dung 1

---

### TÌM HIỂU NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Anh/ Chị hãy đọc những thông tin dưới đây:

#### 1. Giáo dục kĩ năng sống

Giáo dục KNS là giáo dục cách sống tích cực trong xã hội hiện đại, là xây dựng những hành vi lành mạnh và thay đổi những hành vi, thói quen tiêu cực trên cơ sở giúp người học có cả kiến thức, giá trị, thái độ và các kĩ năng thích hợp. Giáo dục KNS là một quá trình giáo dục có mục đích, có kế hoạch và biện pháp cụ thể, là một quá trình lâu dài, phức tạp, đòi hỏi nhiều lực lượng tham gia, trong đó nhà giáo dục đóng vai trò cố vấn, nhà tổ chức, hướng dẫn, khuyến khích và động viên người học.

#### 2. Mục tiêu giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông

- Trang bị cho HS những kiến thức, giá trị, thái độ và kĩ năng phù hợp. Trên cơ sở đó hình thành cho HS những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hằng ngày.
- Tạo cơ hội thuận lợi để HS thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hoà về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.

#### 3. Một số nguyên tắc giáo dục kĩ năng sống trong hoạt động giáo dục

- *Nguyên tắc bảo đảm tính mục đích của giáo dục KNS.*

Giáo dục KNS bao giờ cũng hướng tới mục đích đã đặt ra, ngắn hạn và dài hạn. Mục đích dài hạn trong giáo dục KNS thường hướng tới cách làm, cách ứng phó với những thách thức trong cuộc sống tương lai. Mục đích ngắn hạn là cơ sở, là phương tiện để đạt được mục đích dài hạn. Học sinh biết cách giải quyết ngay trong những tình huống đơn giản, cụ thể đang diễn ra trong cuộc sống thường ngày của bản thân.

- *Nguyên tắc phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, môi trường sống của học sinh tiểu học, phù hợp với tình hình phát triển của xã hội, của đất nước.*
- *Nguyên tắc cung cấp các thông tin cơ bản.*

Thiếu thông tin sẽ khó hình thành được KNS cho con người. Giáo dục KNS coi việc hình thành hành vi cho học sinh tiểu học là mục tiêu cần đạt, tuy nhiên việc cung cấp thông tin cơ bản để đối tượng biết và làm là cần thiết.

- Nguyên tắc khuyến khích động viên, cổ vũ người học và hướng họ đến tương lai tươi sáng hơn.

Nguyên tắc này đòi hỏi trong giáo dục KNS lấy phương pháp động viên khuyến khích là chính, không dọa nạt, trách phạt vì mục đích của giáo dục KNS là hình thành KNS cho người học, và nó chỉ đạt được điều đó khi người học tự giác, mọi biện pháp mang tính chất hành chính sẽ không mang lại hiệu quả.

- Nguyên tắc phối hợp với các lực lượng giáo dục KNS như Hội phụ huynh học sinh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.
- Nguyên tắc giáo dục đồng đẳng.

Học sinh thường tìm kiếm và bắt chước các hành vi của bạn bè trước khi thảo luận vấn đề chúng quan tâm với người lớn. Khi nhà giáo dục hướng dẫn cho những em có ảnh hưởng đến bạn bè, các em đó có thể đóng vai trò mẫu trong nhóm của mình. Môi trường chia sẻ thường có hiệu quả cao trong nhóm đồng đẳng.

- Tương tác: KNS không thể được hình thành chỉ qua việc nghe giảng và tự đọc tài liệu mà phải thông qua các hoạt động tương tác với người khác. Việc nghe giảng và tự đọc tài liệu chỉ giúp HS thay đổi nhận thức về một vấn đề nào đó. Nhiều KNS được hình thành trong quá trình HS tương tác với bạn cùng học và những người xung quanh (kĩ năng thương lượng, kĩ năng giải quyết vấn đề...) thông qua hoạt động học tập hoặc các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Trong khi tham gia các hoạt động có tính tương tác, HS có dịp thể hiện các ý tưởng của mình, xem xét ý tưởng của người khác, được đánh giá và xem xét lại những kinh nghiệm sống của mình trước đây theo một cách nhìn nhận khác. Vì vậy, việc tổ chức các hoạt động giáo dục có tính chất tương tác cao trong nhà trường tạo cơ hội quan trọng để giáo dục KNS hiệu quả.
- Trải nghiệm: KNS chỉ được hình thành khi người học được trải nghiệm qua các tình huống thực tế. HS chỉ có kĩ năng khi các em tự làm việc đó, chứ không chỉ nói về việc đó. Kinh nghiệm có được khi HS hành động trong các tình huống đa dạng giúp các em dễ dàng sử dụng và điều chỉnh các kĩ năng phù hợp với điều kiện thực tế.

GV cần thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ học sao cho HS có cơ hội thể hiện ý tưởng cá nhân, tự trải nghiệm và biết phân tích kinh nghiệm sống của chính mình và người khác.

– *Tiến trình*: Giáo dục KNS không thể hình thành trong “ngày một, ngày hai” mà đòi hỏi phải có cả quá trình: nhận thức – hình thành thái độ – thay đổi hành vi. Đây là một quá trình mà mỗi yếu tố có thể là khởi đầu của một chu trình mới. Do đó nhà giáo dục có thể tác động lên bất kì mắt xích nào trong chu trình trên: thay đổi thái độ dẫn đến mong muốn thay đổi nhận thức và hành vi hoặc hành vi thay đổi tạo nên sự thay đổi nhận thức và thái độ. Do đó, các hoạt động giáo dục cần được tổ chức thường xuyên, có kế hoạch trong cả năm học để HS có cơ hội rèn luyện, được lặp đi lặp lại những KNS quý giá của mình.

– *Thay đổi hành vi*: Mục đích cao nhất của giáo dục KNS là giúp người học thay đổi hành vi theo hướng tích cực. Giáo dục KNS thúc đẩy người học thay đổi hay định hướng lại các giá trị, thái độ và hành động của mình. Thay đổi hành vi, thái độ và giá trị ở từng con người là một quá trình khó khăn, không đồng thời. Có thời điểm người học lại quay trở lại những thái độ, hành vi hoặc giá trị trước. Do đó, các nhà giáo dục cần kiên trì chờ đợi và tổ chức các hoạt động liên tục để HS duy trì hành vi mới và có thói quen mới; tạo động lực cho HS điều chỉnh hoặc thay đổi giá trị, thái độ và những hành vi trước đây, thích nghi hoặc chấp nhận các giá trị, thái độ và hành vi mới. GV không nhất thiết phải luôn luôn chỉ rõ mọi việc “hộ” HS mà cần tạo điều kiện cho HS tự phát hiện những thu nhận mới cho bản thân sau mỗi hoạt động.

Nhà giáo cần yêu cầu và động viên HS chấp nhận những hành vi mới; dạy và luyện các kĩ năng cần thiết để đạt được những hành vi đó; tiếp tục củng cố những kĩ năng mới cho đến khi người tham gia cảm thấy có thể thực hiện được những hành vi lành mạnh.

– *Thời gian – môi trường giáo dục*: Giáo dục KNS cần thực hiện ở mọi nơi, mọi lúc và thực hiện càng sớm càng tốt đối với trẻ em. Môi trường giáo dục được tổ chức nhằm tạo cơ hội cho HS áp dụng kiến thức và kĩ năng vào các tình huống “thực” trong cuộc sống.

Giáo dục KNS được thực hiện trong gia đình, trong nhà trường và cộng đồng. Người tổ chức giáo dục KNS có thể là bố mẹ, là thầy cô, là bạn cùng học hay các thành viên cộng đồng. Trong nhà trường phổ thông, giáo dục KNS được thực hiện trên các giờ học, trong các hoạt động lao động, hoạt động đoàn thể – xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và các hoạt động giáo dục khác.

#### 4. Nội dung giáo dục kỹ năng sống

- Giáo dục khả năng thích ứng của con người trước những thay đổi liên tục của cuộc sống hàng ngày để họ chủ động và sáng tạo trong mọi hành động.
- Giáo dục năng lực tư duy sáng tạo, phê phán và năng lực tự đánh giá bản thân, tự khẳng định mình.
- Giáo dục cách sống với người khác mình.
- Giáo dục về bảo vệ môi trường và sự an toàn của trái đất.
- Giáo dục về sức khoẻ và phòng chống các tệ nạn xã hội.
- Giáo dục lối sống lạc quan yêu đời.

*Câu hỏi 1: Anh/ Chị hiểu giáo dục KNS là gì?*

*Câu hỏi 2: Anh/ Chị hãy nêu những nguyên tắc giáo dục KNS trong hoạt động giáo dục. Mỗi nguyên tắc nêu một ví dụ minh họa.*

#### BÀI TẬP

Anh/ Chị hãy đọc và chỉ rõ nguyên tắc giáo dục KNS nào đã được sử dụng trong các hoạt động giáo dục dưới đây:

a. Trong hoạt động chuẩn bị chào mừng Tết nguyên đán, chi đội HS lớp 4A được phân công hướng dẫn các em HS lớp 1 cách chào đón khách đến chúc mừng Tết trong gia đình.

b. Tổ 1 và tổ 2 được phân công chuẩn bị tổ chức các trò chơi chung cho lớp trong chuyến tham quan Đền Đô. Cô giáo yêu cầu 2 tổ cần gặp nhau để bàn bạc và chuẩn bị.

## Nội dung 2

---

### TÌM HIỂU CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Anh/ Chị hãy đọc những thông tin dưới đây:

#### 1. Hoạt động giáo dục

Hoạt động giáo dục (HĐGD) được quy định cụ thể tại Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tại Điều 29 đã chỉ rõ: “HĐGD bao gồm hoạt động trên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm rèn luyện đạo đức, phát triển năng lực, bồi dưỡng năng khiếu, giúp đỡ HS yếu kém phù hợp đặc điểm tâm lí, sinh lí lứa tuổi HS tiểu học. HĐGD trong lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. HĐGD ngoài giờ lên lớp bao gồm hoạt động ngoại khoá, hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan du lịch, giao lưu văn hoá; hoạt động bảo vệ môi trường; lao động công ích và các hoạt động xã hội khác”.

HĐGD tạo cơ hội cho HS được tham gia vào đời sống cộng đồng, bước đầu vận dụng những kiến thức đã học vào trong cuộc sống thực tiễn, được thực hành, trải nghiệm trong các tình huống của cuộc sống, bước đầu phát triển ở HS các KNS cần thiết, phù hợp với lứa tuổi.

Có nhiều cách phân loại khác nhau. Nếu theo tiêu chí thời gian có HĐGD trong giờ lên lớp và HĐGD ngoài giờ lên lớp (After School Activities). Hoạt động ngoài giờ lên lớp là các hoạt động sau giờ học chính khoá, thường theo năng khiếu, sở thích, tự chọn: ca, múa, nhạc, kịch, thể thao... có thể thuộc hay không thuộc nội dung môn học.

Nếu theo tiêu chí môn học có HĐGD trong môn học và HĐGD ngoại khoá (Extra – Curricular Activities). Hoạt động ngoại khoá chính là hoạt động học tập nằm ngoài chương trình chính khoá, gọi là ngoại khoá. Ngoại khoá là các hoạt động xã hội, tham gia các câu lạc bộ, các dự án với các nội dung đa dạng, phong phú, chủ yếu hình thành KNS trong các lĩnh vực khác nhau cho HS.

Nếu theo tiêu chí địa điểm có HĐGD trong trường và ngoài trường, ngoài trời (Outdoor Activities). Hoạt động ngoài trời có thể là hoạt động ngoại khoá, có thể là hoạt động chính khoá. Đó là những hoạt động trực tiếp với tự nhiên để thưởng thức thiên nhiên, giám căng thẳng, học cách vượt

qua những khó khăn trở ngại, thúc đẩy việc hình thành nhân cách và các mối quan hệ xã hội, hình thành mối quan hệ thân thiết với tự nhiên.

Các tiêu chí phân chia trên chỉ có tính tương đối, vì dù theo tiêu chí nào các HĐGD đều nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục đã được quy định, do GV và nhà trường là người chủ động tổ chức, giám sát và đánh giá. Ở đây, chúng tôi sẽ ưu tiên xem xét HĐGD ngoài giờ lên lớp với nhiệm vụ giáo dục KNS.

– Yêu cầu:

HĐGD phải phù hợp với đặc điểm của HS tiểu học: lứa tuổi, khả năng nhận thức, giới tính, sức khỏe.

HĐGD phải phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hoá từng vùng miền: miền núi, đồng bằng, thành phố, nông thôn, vùng kinh tế phát triển, vùng khó khăn...

HĐGD phải phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất hiện có của từng trường: sân bãi, dụng cụ, phòng ốc, khả năng GV, khả năng đóng góp của phụ huynh...

HĐGD là hoạt động có thể cho phép HS được chủ động chọn hoạt động mình yêu thích, dưới sự gợi ý và hướng dẫn của bố mẹ và nhà trường. Có rất nhiều hoạt động, rất nhiều kĩ năng trong cuộc sống hằng ngày ta có thể bổ sung cho trẻ.

## 2. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Theo Chương trình giáo dục phổ thông, ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 05 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, HĐGD ngoài giờ lên lớp là những HĐGD được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hoá, là một chương trình thống nhất hữu cơ với hoạt động dạy học, tạo điều kiện gắn lí thuyết với thực hành, thống nhất giữa nhận thức và hành động, góp phần quan trọng vào sự hình thành và phát triển nhân cách toàn diện của HS trong giai đoạn hiện nay.

– Mục tiêu HĐGD ngoài giờ lên lớp cấp Tiểu học:

Mục tiêu cơ bản của HĐGD là nhằm hình thành kĩ năng cho các lĩnh vực của cuộc sống hằng ngày, phát triển năng khiếu của HS trong một số lĩnh vực nghệ thuật, thể thao và phát triển tình cảm đạo đức của con người với con người và thế giới xung quanh, giáo dục một lối sống lành mạnh,



tiết kiệm, chia sẻ, tự chủ, có văn hoá, tạo cơ hội thuận lợi để HS được trải nghiệm, được rèn luyện những KNS trong cuộc sống thực.

HDGD ngoài giờ lên lớp là sự tiếp nối các hoạt động dạy – học, là con đường gắn liền với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức và hành động của HS. Mục tiêu của HDGD ngoài giờ lên lớp gồm:

– *Về kiến thức:*

- + Góp phần củng cố, mở rộng và khắc sâu kiến thức đã được học trong giờ học các môn văn hoá;
- + Nâng cao hiểu biết các lĩnh vực của đời sống xã hội, về những giá trị truyền thống của dân tộc; tiếp thu những giá trị tốt đẹp của nhân loại và của thời đại;
- + Hiểu được một số quyền trong Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em.

– *Về kĩ năng:*

- + Có các kĩ năng cơ bản theo mục tiêu giáo dục của cấp học, góp phần hình thành những năng lực chủ yếu như: năng lực tự hoàn thiện, năng lực thích ứng, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, ứng xử...
- + Có lối sống phù hợp với các giá trị xã hội.

– *Về thái độ:*

- + Có ý thức trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội; có ý thức lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai;
- + Có hứng thú và nhu cầu tham gia các hoạt động chung;
- + Có tình cảm đạo đức trong sáng, biết trân trọng cái tốt, cái đẹp;
- + Tích cực, chủ động và linh hoạt trong các hoạt động tập thể.

Giáo dục ngoài giờ lên lớp là chương trình có thời gian bắt buộc cho mọi đối tượng HS (quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và có nội dung tự chọn (Tự chọn với HS, với nhà trường và với cả địa phương). Hoạt động khi được nhà trường chọn chung cho mọi đối tượng HS thì với HS của trường đó là bắt buộc. Nhà trường có thể chọn những hoạt động phù hợp với điều kiện GV, cơ sở vật chất, đặc điểm văn hoá vùng miền. HS có thể chọn nhiều hoạt động nhưng ở các thời điểm khác nhau, mang tính cá thể hoá cao.

Do đặc thù của HDGD ngoài giờ lên lớp nên trong quá trình thực hiện chương trình, có thể vận dụng một cách linh hoạt các nội dung và hình thức hoạt động theo vùng miền và đối tượng HS, với điều kiện, hoàn cảnh của nhà trường, địa phương. Có như vậy, hoạt động của HS mới gắn

được với thực tiễn cuộc sống và HĐGD ngoài giờ lên lớp mới mang lại hiệu quả giáo dục thiết thực.

- Tầm quan trọng của giáo dục KNS cho HS tiểu học qua các HĐGD.

Luật Giáo dục năm 2005 đã xác định: Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp HS phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho HS tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, mục tiêu giáo dục phổ thông chủ yếu là trang bị cho HS những năng lực cần thiết cho các em, đặc biệt là năng lực hành động, năng lực thực tiễn. Phương pháp giáo dục phổ thông cũng đã được đổi mới theo hướng “phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của HS; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho HS.” (Luật Giáo dục).

Giáo dục KNS cho HS, với bản chất là hình thành và phát triển cho các em khả năng làm chủ bản thân, khả năng ứng xử phù hợp với những người khác và với xã hội, khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống – rõ ràng là phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông.

Vai trò của HĐGD như sau:

- Là nơi thể nghiệm, vận dụng và củng cố tri thức.
- Là cơ hội để HS tự bộc lộ nhân cách toàn vẹn, từ đó tự khẳng định vị trí của mình.
- Là môi trường nuôi dưỡng và phát triển tính chủ thể cho HS: chủ động, tích cực, độc lập và sáng tạo.
- Là dịp tốt để thu hút cả ba lực lượng giáo dục cùng tham gia giáo dục.

### 3. Học tập hợp tác (HTHT) – Dạy học hợp tác (DHHT)

- Học tập hợp tác: Quan điểm học tập này yêu cầu sự tham gia, đóng góp trực tiếp của người học vào quá trình học tập, đồng thời yêu cầu người học phải làm việc cùng nhau để đạt được kết quả học tập chung.

Trong quá trình hợp tác, mỗi người học sẽ tìm thấy lợi ích cho chính mình và cho tất cả các thành viên trong tổ chức (tổ, nhóm, lớp). HS học

bằng cách làm chứ không chỉ học bằng cách nghe. HTHT mục tiêu hoạt động là chung, nhưng mỗi người lại có nhiệm vụ riêng, các hoạt động của từng cá nhân được tổ chức phối hợp để đạt mục tiêu chung. Thông qua hoạt động trong tập thể nhóm, lớp, các ý kiến phản ánh quan niệm của mỗi cá nhân được điều chỉnh và qua đó, người học nâng mình lên một trình độ mới. Hoạt động trong tập thể sẽ làm cho từng thành viên quen dần với sự phân công hợp tác, nhất là lúc giải quyết những vấn đề gay gắt, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành công việc. Trong hoạt động tập thể, tính cách, năng lực của mỗi cá nhân được bộc lộ, uốn nắn, phát triển tình bạn, ý thức tổ chức kỷ luật, tương trợ lẫn nhau, ý thức cộng đồng, tạo nên môi trường thân thiện, có trách nhiệm giữa GV – HS, HS – HS với nhau.

9 bước chuẩn bị áp dụng các loại HTHT (Theo Wilkinson, 1994; Lindbla, 1994; Siegel, 2005 và Linda & Lawrence, 2004):

1. Chia lớp thành những nhóm nhỏ;
2. Tạo môi trường lớp học an toàn, tích cực;
3. Xác định kết quả mà HS cần đạt và cung cấp sự hướng dẫn rõ ràng về các công việc học thuật của mỗi nhóm sẽ thực hiện;
4. Giải thích tiến trình đánh giá đối với mỗi HS và mỗi nhóm;
5. Cung cấp cho HS tài liệu liên quan đến các vấn đề cần thảo luận bài học;
6. Nhắc HS đề tài thảo luận kéo dài bao lâu và khi nào sẽ kết thúc;
7. Cung cấp sự trợ giúp khi cần thiết và theo dõi các hoạt động của HS và ghi lại các vấn đề mà GV cần giải quyết sau khi nhóm hợp tác kết thúc;
8. Đưa bài học đến một kết luận logic và cho thông tin phản hồi;
9. Đánh giá thành công của HS và giúp họ tự đánh giá sự hợp tác của họ đối với những HS khác.

Tóm lại, học tập hợp tác (Cooperative Learning) là phương thức học tập dựa trên sự hợp tác của nhóm người học được sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của GV. HTHT có mục tiêu chung, nỗ lực học tập chung của nhóm, thành tựu và trách nhiệm học tập cá nhân hài hoà với nhau, có sự chia sẻ nguồn lực, kết quả và lợi ích học tập, có tính xã hội và thân thiện trong học tập.

– **Dạy học hợp tác**

DHHT đó là chiến lược dạy học được xây dựng dựa trên những đặc điểm và nguyên tắc của HTHT. Trong DHHT điều đặc biệt là luôn luôn phải có

sự hợp tác giữa người dạy và người học, giữa những người học với nhau. Theo kiểu DHHT, người học sẽ được chia thành những nhóm nhỏ để thực hiện các hoạt động học tập như thảo luận, đóng vai, giải quyết vấn đề, là chủ thể tích cực trong việc lĩnh hội kiến thức, kĩ năng thông qua sự hợp tác với GV và sự hợp tác giữa HS với nhau trong quá trình học tập, từ đó đạt được mục tiêu cá nhân, đồng thời góp phần tạo ra sự thành công của nhóm. Mỗi thành viên không chỉ có trách nhiệm thực hiện các hoạt động chung của nhóm mà còn phải có trách nhiệm hợp tác, giúp đỡ cho các thành viên trong nhóm hoàn thành các nhiệm vụ được phân công. GV là người hướng dẫn, theo dõi, giám sát giúp đỡ HS tiếp thu kiến thức mới, phát triển kĩ năng HTHT và là người trọng tài khoa học.

DHHT cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản:

- DHHT phải tạo một quy tắc chung cho một lớp hoặc một nhóm hợp tác, mọi người đều phải tuân theo quy tắc chung đó một cách bình đẳng. Nếu trong lớp có sự cách li, sự cạnh tranh cá nhân thì DHHT sẽ không đem lại kết quả tốt.
- DHHT trên cơ sở khai thác tốt các nội dung dạy học và dự tính các năng lực cá nhân của đối tượng HS. Việc khai thác tốt nội dung dạy học để DHHT theo các cấp độ khác nhau, các phương thức phù hợp với từng nội dung bài học sẽ đem lại hiệu quả cao hơn. Ví dụ ở lớp 3, cùng học tập hợp tác để rèn kĩ năng đặt mục tiêu nhưng các mức độ khác nhau: một số HS có thể tự đặt ra các mục tiêu khi nhận nhiệm vụ của GV, còn một số HS khác cần có những câu hỏi hỗ trợ và chỉ có khả năng đặt mục tiêu ngắn hạn...
- DHHT dựa trên cơ sở là tính đa dạng (không đồng nhất) của các đối tượng HS và những quan hệ bình đẳng của các HS trong nhóm. Chẳng hạn, sự không đồng nhất của các thành viên trong nhóm về trình độ, về kĩ năng xã hội, về tính cách, giới tính... nếu GV có sự cân nhắc kĩ về tính đa dạng này có thể tạo nên một nhóm làm việc hợp tác hiệu quả và ă n ý.
- DHHT phải đảm bảo sự tham gia tích cực của tất cả các đối tượng HS. DHHT nếu không tạo được sự tham gia tích cực của các thành viên trong nhóm thì không hiệu quả. Các yếu tố chủ yếu quyết định việc tham gia tích cực đối với các thành viên, đó là sự phân chia công việc và trách nhiệm với từng cá nhân. Điều này đòi hỏi GV ngay từ khi thiết kế các nhiệm vụ giao cho các nhóm phải tính đến đặc điểm của nhóm, tạo ra sự linh hoạt trong vai trò của mỗi cá nhân, mọi thành viên trong nhóm đều

có thể tham gia ở một thời điểm cụ thể. Ví dụ: trong một nhóm học toán, các HS bình đẳng trong vai trò kiểm tra, người viết kết quả, người trình bày giải pháp của nhóm...

HS được khuyến khích phát biểu ý kiến, tự do tranh luận trước tập thể – GV, bạn bè lắng nghe, chia sẻ càng giúp các em thêm tự tin, hăng hái. GV tôn trọng và đánh giá cao những hoạt động, tư duy sáng tạo của HS – các em càng được thúc đẩy, kích thích niềm say mê học tập. GV luôn tạo mối quan hệ gần gũi, thân thiện với HS nên dễ dàng phát hiện những tố chất riêng, từ đó, có thể giúp các em định hướng, khắc phục điểm yếu và phát huy điểm mạnh của mình.

HĐGD chỉ thật sự có hiệu quả trong giáo dục KNS khi chúng được thiết kế và tổ chức như một dạng dạy học hợp tác. HĐGD tuân theo các nguyên tắc của dạy học hợp tác, thực hiện theo các bước của dạy học hợp tác. Chỉ với cách tổ chức như thế, HS có nhiều cơ hội thực hành, trải nghiệm các KNS thể hiện các quan hệ đa phương, tự quyết định lựa chọn các quan hệ, các hành động và những thái độ phù hợp. Hãy so sánh HĐGD với cùng một chủ đề “tham quan cắm trại ở rừng Cúc Phương” ở hai lớp, trong đó ở một lớp GVCN và PHHS lo hết cho các HS từ A đến Z, từ bữa ăn, nước uống, chỗ nghỉ trưa, HS chỉ có nhiệm vụ đi và thụ hưởng những gì người lớn đã chuẩn bị hoặc mỗi HS có một túi cá nhân và không cần có bất cứ mối liên hệ nào giữa các HS trong lớp. Còn ở lớp thứ hai, cô thông báo điểm đến và cả lớp cùng bàn bạc chuẩn bị những gì cho chuyến đi, chia các nhóm và phân công nhiệm vụ cùng chuẩn bị cho chuyến đi từ nhóm tổ chức trò chơi chung, nhóm cứu thương, nhóm hậu cần đến nhóm tìm hiểu các thông tin liên quan đến rừng Cúc Phương. Qua việc làm của hai lớp với cùng một nội dung, có thể biết trước được HS lớp nào có nhiều cơ hội rèn luyện, sử dụng những KNS đã có và phát triển những KNS mới (kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi tìm hiểu rừng Cúc Phương, kĩ năng trình bày, thuyết phục, thương lượng, lắng nghe tích cực, phân tích tư duy phê phán, kĩ năng ra quyết định, kĩ năng đặt mục tiêu, kĩ năng làm việc hợp tác khi cùng nhau chuẩn bị và tổ chức trò chơi, chuẩn bị hậu cần hay chuẩn bị túi cứu thương, kĩ năng quản lí thời gian, kĩ năng quản lí cảm xúc... trong quá trình tham quan). Vì lí do ấy, nội dung HĐGD rất quan trọng, tuy nhiên cách thức tổ chức HĐGD còn quan trọng hơn rất nhiều vì nó quyết định mức độ ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục KNS của HS.

*Câu hỏi 1: Hoạt động giáo dục gồm những loại nào? Tại sao cần giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học qua hoạt động giáo dục?*

*Câu hỏi 2: Học tập hợp tác có những yêu cầu nào?*

*Câu hỏi 3: Dạy học hợp tác là như thế nào? Hoạt động giáo dục như thế nào sẽ đáp ứng các yêu cầu của dạy học hợp tác?*

### **BÀI TẬP**

Bạn hãy đọc những trường hợp dưới đây, suy nghĩ phân tích HĐGD nào đáp ứng các yêu cầu của dạy học hợp tác? Cần bổ sung những việc làm nào để hoạt động đó là dạy học hợp tác?

a. GVCN lớp 5A trường tiểu học chuẩn bị tổ chức cho HS tham quan. Cô thông báo HS cần mang những đồ dùng, thức ăn (áo mưa, chai nước uống, đồ ăn trưa) trong ngày tham quan, thời gian tham quan. Trong chuyến tham quan, HS đi theo cô và tuân theo từng chỉ dẫn của cô, nghe cô giới thiệu về lịch sử di tích.

b. GVCN lớp 5B tổ chức buổi lễ chào mừng ngày mùng 8 tháng 3. Cô họp lớp và đề nghị các bạn nêu những ý tưởng muốn thực hiện ngày lễ mùng 8 tháng 3. Sau khi HS thảo luận và lựa chọn các ý tưởng, cô chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm chịu trách nhiệm thực hiện một ý tưởng. Nhóm sẽ tự bàn bạc, lập kế hoạch, phân công công việc cho từng thành viên.

*Trả lời của bạn:*

a.

.....  
.....  
.....

b.

.....  
.....  
.....

## Nội dung 3

---

### TÌM HIỂU NỘI DUNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Anh/ Chị hãy đọc những thông tin dưới đây:

#### 1. Kỹ năng tự nhận thức

Tự nhận thức là tự nhìn nhận, tự đánh giá về bản thân.

Kỹ năng tự nhận thức là khả năng của con người hiểu về chính bản thân mình, như cơ thể, tư tưởng, các mối quan hệ xã hội của bản thân; biết nhìn nhận, đánh giá đúng về tiềm năng, tình cảm, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu... của bản thân mình; quan tâm và luôn ý thức được mình đang làm gì, kể cả nhận ra lúc bản thân đang cảm thấy căng thẳng.

Tự nhận thức là một KNS rất cơ bản của con người, là nền tảng để con người giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả với người khác cũng như để có thể cảm thông được với người khác. Ngoài ra, có hiểu đúng về mình, con người mới có thể có những quyết định, những sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với khả năng của bản thân, với điều kiện thực tế và yêu cầu xã hội. Ngược lại, đánh giá không đúng về bản thân có thể dẫn con người đến những hạn chế, sai lầm, thất bại trong cuộc sống và trong giao tiếp với người khác.

Để tự nhận thức đúng về bản thân cần phải được trải nghiệm qua thực tế, đặc biệt là qua giao tiếp với người khác.

#### 2. Kỹ năng xác định giá trị

Giá trị là những gì con người cho là quan trọng, là có ý nghĩa đối với bản thân mình, có tác dụng định hướng cho suy nghĩ, hành động và lối sống của bản thân trong cuộc sống. Giá trị có thể là những chuẩn mực đạo đức, những chính kiến, thái độ, và thậm chí là thành kiến đối với một điều gì đó...

Giá trị có thể là giá trị vật chất hoặc giá trị tinh thần, có thể thuộc các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, đạo đức, kinh tế...

Mỗi người đều có một hệ thống giá trị riêng. Kỹ năng xác định giá trị là khả năng con người hiểu rõ được những giá trị của bản thân mình. Kỹ năng xác định giá trị có ảnh hưởng lớn đến quá trình ra quyết định của

mỗi người. Kỹ năng này còn giúp người ta biết tôn trọng người khác, biết chấp nhận rằng người khác có những giá trị và niềm tin khác.

Giá trị không phải là bất biến mà có thể thay đổi theo thời gian, theo các giai đoạn trưởng thành của con người. Giá trị phụ thuộc vào giáo dục, vào nền văn hoá, vào môi trường sống, học tập và làm việc của cá nhân.

Khi học lời các bài hát, bài thơ các em có cơ hội hiểu rõ hơn về những giá trị như tình bạn, về tình yêu đất nước, về sự trung thành, lòng dũng cảm, sự chung thủy, về lòng nhân ái, khoan dung. Các em được tiếp nhận thêm các kiến thức về các giá trị đó, các hành vi, những cảm xúc biểu hiện các giá trị, có cơ hội so sánh, phân tích với những kiến thức của bản thân về các giá trị tương tự, tìm điểm khác nhau và giống nhau để càng hiểu rõ hơn những điều cốt lõi của từng giá trị, khẳng định thêm những giá trị hiện có, bổ sung thêm những giá trị mới cho bản thân.

Khi cùng nhau tham gia tập luyện biểu diễn văn nghệ, các em có cơ hội trải nghiệm cảm nhận những giá trị như sự đoàn kết, sự thống nhất.

### 3. Kỹ năng thể hiện sự tự tin

Tự tin là có niềm tin vào bản thân; tự hài lòng với bản thân; tin rằng mình có thể trở thành một người có ích và tích cực, có niềm tin về tương lai, cảm thấy có nghị lực để hoàn thành các nhiệm vụ.

Kỹ năng thể hiện sự tự tin giúp cá nhân giao tiếp hiệu quả hơn, mạnh dạn bày tỏ suy nghĩ và ý kiến của mình, quyết đoán trong việc ra quyết định và giải quyết vấn đề, thể hiện sự kiên định, đồng thời cũng giúp người đó có suy nghĩ tích cực và lạc quan trong cuộc sống.

Kỹ năng thể hiện sự tự tin là yếu tố cần thiết trong giao tiếp, thương lượng, ra quyết định, đảm nhận trách nhiệm.

### 4. Kỹ năng giao tiếp

Kỹ năng giao tiếp là khả năng có thể bày tỏ ý kiến của bản thân theo hình thức nói, viết hoặc sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách phù hợp với hoàn cảnh và văn hoá, đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến người khác ngay cả khi bất đồng quan điểm. Bày tỏ ý kiến bao gồm cả bày tỏ về suy nghĩ, ý tưởng, nhu cầu, mong muốn và cảm xúc, đồng thời nhờ sự giúp đỡ và sự tư vấn khi cần thiết.

Kỹ năng giao tiếp giúp con người biết đánh giá tình huống giao tiếp và điều chỉnh cách giao tiếp một cách phù hợp, hiệu quả; cởi mở bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc nhưng không làm hại hay gây tổn thương cho người khác.



Kĩ năng này giúp chúng ta có mối quan hệ tích cực với người khác, bao gồm biết gìn giữ mối quan hệ tích cực với các thành viên trong gia đình – là nguồn hỗ trợ quan trọng cho mỗi chúng ta; đồng thời biết cách xây dựng mối quan hệ với bạn bè mới và đây là yếu tố rất quan trọng đối với niềm vui cuộc sống. Kĩ năng này cũng giúp kết thúc các mối quan hệ khi cần thiết một cách xây dựng.

Kĩ năng giao tiếp là yếu tố cần thiết cho nhiều kĩ năng khác như bày tỏ sự cảm thông, thương lượng, hợp tác, tìm kiếm sự giúp đỡ, giải quyết mâu thuẫn, kiểm soát cảm xúc. Người có kĩ năng giao tiếp tốt biết dung hoà đối với mong đợi của những người khác; có cách ứng xử phù hợp khi làm việc cùng và ở cùng với những người khác trong một môi trường tập thể, quan tâm đến những điều người khác quan tâm và giúp họ có thể đạt được những điều họ mong muốn một cách chính đáng.

#### 5. Kĩ năng lắng nghe tích cực

Lắng nghe tích cực là một phần quan trọng của kĩ năng giao tiếp. Người có kĩ năng lắng nghe tích cực biết thể hiện sự tập trung chú ý và thể hiện sự quan tâm lắng nghe ý kiến hoặc phần trình bày của người khác (bằng các cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt, nụ cười), biết cho ý kiến phản hồi mà không vội đánh giá, đồng thời có đối đáp hợp lí trong quá trình giao tiếp.

Người có kĩ năng lắng nghe tích cực thường được nhìn nhận là biết tôn trọng và quan tâm đến ý kiến của người khác, nhờ đó làm cho việc giao tiếp, thương lượng và hợp tác của họ hiệu quả hơn. Lắng nghe tích cực cũng góp phần giải quyết mâu thuẫn một cách hài hoà và xây dựng.

#### 6. Kĩ năng thể hiện sự cảm thông

Thể hiện sự cảm thông là khả năng có thể hình dung và đặt mình trong hoàn cảnh của người khác, giúp chúng ta hiểu và chấp nhận người khác vốn là những người rất khác mình, qua đó chúng ta có thể hiểu rõ cảm xúc và tình cảm của người khác và cảm thông với hoàn cảnh hoặc nhu cầu của họ.

Kĩ năng này có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả giao tiếp và ứng xử với người khác; cải thiện các mối quan hệ giao tiếp xã hội, đặc biệt trong bối cảnh xã hội đa văn hoá, đa sắc tộc. Kĩ năng thể hiện sự cảm thông cũng giúp khuyến khích thái độ quan tâm và hành vi thân thiện, gần gũi với những người cần sự giúp đỡ.

Kĩ năng thể hiện sự cảm thông được dựa trên kĩ năng tự nhận thức và kĩ năng xác định giá trị, đồng thời là yếu tố cần thiết trong kĩ năng giao tiếp,

giải quyết vấn đề, giải quyết mâu thuẫn, thương lượng, kiên định và kiềm chế cảm xúc.

#### 7. Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ

Trong cuộc sống, nhiều khi chúng ta gặp những vấn đề, tình huống phải cần đến sự hỗ trợ, giúp đỡ của những người khác. Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ bao gồm các yếu tố sau:

- Ý thức được nhu cầu cần giúp đỡ.
- Biết xác định được những địa chỉ hỗ trợ đáng tin cậy.
- Tự tin và biết tìm đến các địa chỉ đó.
- Biết bày tỏ nhu cầu cần giúp đỡ một cách phù hợp.

Khi tìm đến các địa chỉ hỗ trợ, chúng ta cần:

- Cư xử đúng mực và tự tin.
- Cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, ngắn gọn.
- Giữ bình tĩnh nếu gặp sự đối xử thiếu thiện chí. Nếu vẫn cần sự hỗ trợ của người thiếu thiện chí, cố gắng tỏ ra bình thường, kiên nhẫn nhưng không sợ hãi.
- Nếu bị cự tuyệt, đừng nản chí, hãy kiên trì tìm sự hỗ trợ từ các địa chỉ khác, người khác.

Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ giúp chúng ta có thể nhận được những lời khuyên, sự can thiệp cần thiết để tháo gỡ, giải quyết những vấn đề, tình huống của mình; đồng thời là cơ hội để chúng ta chia sẻ, giải bày khó khăn, giảm bớt được căng thẳng tâm lý do bị dồn nén cảm xúc. Biết tìm kiếm sự giúp đỡ kịp thời sẽ giúp cá nhân không cảm thấy đơn độc, bị quan, và trong nhiều trường hợp, giúp chúng ta có cách nhìn mới và hướng đi mới.

#### 8. Kỹ năng tư duy sáng tạo

Tư duy sáng tạo là khả năng nhìn nhận và giải quyết vấn đề theo một cách mới, với ý tưởng mới, theo phương thức mới, cách sắp xếp và tổ chức mới; là khả năng khám phá và kết nối mối quan hệ giữa các khái niệm, ý tưởng, quan điểm, sự việc; độc lập trong suy nghĩ.

Kỹ năng tư duy sáng tạo giúp con người tư duy năng động với nhiều sáng kiến và óc tưởng tượng; biết cách phán đoán và thích nghi, có tầm nhìn và khả năng suy nghĩ rộng hơn những người khác, không bị bó hẹp vào kinh nghiệm trực tiếp đang trải qua; tư duy minh mẫn và khác biệt.

Tư duy sáng tạo là một KNS quan trọng bởi vì trong cuộc sống con người thường xuyên bị đặt vào những hoàn cảnh bất ngờ hoặc ngẫu nhiên xảy ra. Khi gặp những hoàn cảnh như vậy đòi hỏi chúng ta phải có tư duy sáng tạo để có thể ứng phó một cách linh hoạt và phù hợp.

Khi một người biết kết hợp tốt giữa kĩ năng tư duy phê phán và tư duy sáng tạo thì năng lực tư duy của người ấy càng được tăng cường và sẽ giúp ích rất nhiều cho bản thân trong việc giải quyết vấn đề một cách thuận lợi và phù hợp nhất.

#### 9. Kĩ năng thương lượng

Thương lượng là khả năng trình bày suy nghĩ, phân tích và giải thích, đồng thời có thảo luận để đạt được một sự điều chỉnh và thống nhất về cách suy nghĩ, cách làm hoặc về một vấn đề gì đó.

Kĩ năng thương lượng bao gồm nhiều yếu tố của kĩ năng giao tiếp như lắng nghe, bày tỏ suy nghĩ và một phần quan trọng của giải quyết vấn đề, giải quyết mâu thuẫn. Một người có kĩ năng thương lượng tốt sẽ giúp giải quyết vấn đề hiệu quả, giải quyết mâu thuẫn một cách xây dựng và có lợi cho tất cả các bên.

Kĩ năng thương lượng có liên quan đến sự tự tin, tính kiên định, sự cảm thông, tư duy sáng tạo, kĩ năng hợp tác và khả năng thoả hiệp những vấn đề không có tính nguyên tắc của bản thân.

#### 10. Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn

Mâu thuẫn là những xung đột, tranh cãi, bất đồng, bất bình với một hay nhiều người về một vấn đề nào đó.

Mâu thuẫn trong cuộc sống hết sức đa dạng và thường bắt nguồn từ sự khác nhau về quan điểm, chính kiến, lối sống, tín ngưỡng, tôn giáo, văn hoá... Mâu thuẫn thường có ảnh hưởng tiêu cực tới những mối quan hệ của các bên.

Có nhiều cách giải quyết mâu thuẫn. Mỗi người sẽ có cách giải quyết mâu thuẫn riêng tùy thuộc vào vốn hiểu biết, quan niệm, văn hoá và cách ứng xử cũng như khả năng phân tích tìm hiểu nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn.

Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn là khả năng con người nhận thức được nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn và giải quyết những mâu thuẫn đó với thái độ tích cực, không dùng bạo lực, thoả mãn được nhu cầu, quyền lợi các bên và giải quyết cả mối quan hệ giữa các bên một cách hoà bình.

Yêu cầu trước hết của kĩ năng giải quyết mâu thuẫn là phải luôn kiềm chế cảm xúc, tránh bị kích động, nóng vội, giữ bình tĩnh trước mọi sự việc để tìm ra nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn cũng như tìm ra cách giải quyết tốt nhất.

#### 11. Kĩ năng làm việc hợp tác

Hợp tác là cùng chung sức làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó vì mục đích chung.

Kĩ năng hợp tác là khả năng cá nhân biết chia sẻ trách nhiệm, biết cam kết và cùng làm việc có hiệu quả với những thành viên khác trong nhóm.

Biểu hiện của người có kĩ năng hợp tác:

- Tôn trọng mục đích, mục tiêu hoạt động chung của nhóm; tôn trọng những quyết định chung, những điều đã cam kết.
- Biết giao tiếp hiệu quả, tôn trọng, đoàn kết và cảm thông, chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm.
- Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. Đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.
- Nỗ lực phát huy năng lực, sở trường của bản thân để hoàn thành tốt nhiệm vụ đã được phân công. Đồng thời biết hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác trong quá trình hoạt động.
- Biết cùng cả nhóm đồng cam cộng khổ vượt qua những khó khăn, vướng mắc để hoàn thành mục đích, mục tiêu hoạt động chung.
- Có trách nhiệm về những thành công hay thất bại của nhóm, về những sản phẩm do nhóm tạo ra.

Có kĩ năng hợp tác là một yêu cầu quan trọng đối với người công dân trong một xã hội hiện đại, bởi vì:

- Mỗi người đều có những điểm mạnh và hạn chế riêng. Sự hợp tác trong công việc giúp mọi người hỗ trợ, bổ sung cho nhau, tạo nên sức mạnh trí tuệ, tinh thần và thể chất, vượt qua khó khăn, đem lại chất lượng và hiệu quả cao hơn cho công việc chung.
- Trong xã hội hiện đại, lợi ích của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng đều phụ thuộc vào nhau, ràng buộc lẫn nhau; mỗi người như một chi tiết của một cỗ máy lớn, phải vận hành đồng bộ, nhịp nhàng, không thể hành động đơn lẻ.
- Kĩ năng hợp tác còn giúp cá nhân sống hài hoà và tránh xung đột trong quan hệ với người khác.

## 12. Kỹ năng tư duy phê phán

Kỹ năng tư duy phê phán là khả năng phân tích một cách khách quan và toàn diện các vấn đề, sự vật, hiện tượng... xảy ra. Để phân tích một cách có phê phán, con người cần:

- Thu thập thông tin về vấn đề, sự vật, hiện tượng... đó từ nhiều nguồn khác nhau.
- Sắp xếp các thông tin thu thập được theo từng nội dung một cách hệ thống.
- Phân tích, so sánh, đối chiếu, lí giải các thông tin thu thập được, đặc biệt là các thông tin trái chiều.
- Xác định bản chất vấn đề, tình huống, sự vật, hiện tượng... là gì?
- Nhận định về những mặt tích cực, hạn chế của vấn đề, tình huống, sự vật, hiện tượng... đó, xem xét một cách thấu đáo, sâu sắc và có hệ thống.

Kỹ năng tư duy phê phán rất cần thiết để con người có thể đưa ra được những quyết định, những hành động phù hợp. Nhất là trong xã hội hiện đại ngày nay, khi mà con người luôn phải đối mặt với nhiều vấn đề gay gắt của cuộc sống, luôn phải xử lí nhiều nguồn thông tin đa dạng, phức tạp... thì kỹ năng tư duy phê phán càng trở nên quan trọng đối với mỗi cá nhân.

Kỹ năng tư duy phê phán phụ thuộc vào hệ thống giá trị cá nhân. Một người có được kỹ năng tư duy phê phán tốt khi biết phối hợp nhịp nhàng với kỹ năng tự nhận thức và kỹ năng xác định giá trị.

## 13. Kỹ năng ra quyết định

Trong cuộc sống hàng ngày, con người luôn phải đối mặt với những tình huống, những vấn đề cần giải quyết buộc chúng ta phải lựa chọn, đưa ra quyết định hành động.

Kỹ năng ra quyết định là khả năng của cá nhân biết quyết định lựa chọn phương án tối ưu để giải quyết vấn đề hoặc tình huống gặp phải trong cuộc sống một cách kịp thời.

Mỗi cá nhân phải tự mình ra quyết định cho bản thân; không nên trông chờ, phụ thuộc vào người khác; mặc dù có thể tham khảo ý kiến của những người tin cậy trước khi ra quyết định.

Để đưa ra quyết định phù hợp, chúng ta cần:

- Xác định vấn đề hoặc tình huống mà chúng ta đang gặp phải.
- Thu thập thông tin về vấn đề hoặc tình huống đó.
- Liệt kê các cách giải quyết vấn đề / tình huống đã có.

- Hình dung đầy đủ về kết quả sẽ xảy ra nếu chúng ta lựa chọn mỗi phương án giải quyết.
- Xem xét về suy nghĩ và cảm xúc của bản thân nếu giải quyết theo từng phương án đó.
- So sánh giữa các phương án để quyết định lựa chọn phương án tối ưu.

Kĩ năng ra quyết định rất cần thiết trong cuộc sống, giúp cho con người có được sự lựa chọn phù hợp và kịp thời, đem lại thành công trong cuộc sống. Ngược lại, nếu không có kĩ năng ra quyết định, con người ta có thể có những quyết định sai lầm hoặc chậm trễ, gây ảnh hưởng tiêu cực đến các mối quan hệ, đến công việc và tương lai cuộc sống của bản thân; đồng thời còn có thể làm ảnh hưởng đến gia đình, bạn bè và những người có liên quan.

#### 14. Kĩ năng giải quyết vấn đề

Kĩ năng giải quyết vấn đề là khả năng của cá nhân biết quyết định lựa chọn phương án tối ưu và hành động theo phương án đã chọn để giải quyết vấn đề hoặc tình huống gặp phải trong cuộc sống.

Để giải quyết vấn đề có hiệu quả, chúng ta cần:

- + Xác định rõ vấn đề hoặc tình huống đang gặp phải, kể cả tìm kiếm thêm thông tin cần thiết.
- + Liệt kê các cách giải quyết vấn đề /tình huống đã có.
- + Hình dung đầy đủ về kết quả xảy ra nếu ta lựa chọn phương án giải quyết nào đó.
- + Xem xét về suy nghĩ và cảm xúc của bản thân nếu thực hiện phương án giải quyết đó.
- + So sánh các phương án để đưa ra quyết định cuối cùng.
- + Hành động theo quyết định đã lựa chọn.
- + Kiểm định lại kết quả để rút kinh nghiệm cho những lần ra quyết định và giải quyết vấn đề sau.

#### 15. Kĩ năng đặt mục tiêu

Mục tiêu là cái đích mà chúng ta muốn đạt tới trong một khoảng thời gian hoặc một công việc nào đó. Mục tiêu có thể về nhận thức, hành vi hoặc thái độ.

Kĩ năng đặt mục tiêu là khả năng của con người biết đề ra mục tiêu cho bản thân trong cuộc sống cũng như lập kế hoạch để thực hiện được mục tiêu đó.

Mục tiêu có thể được đặt ra trong một khoảng thời gian ngắn, như một ngày, một tuần (mục tiêu ngắn hạn). Mục tiêu cũng có thể được đặt ra trong một khoảng thời gian dài hơn, như một tháng hoặc vài tháng (mục tiêu trung hạn). Mục tiêu cũng có thể được đặt cho một thời gian dài như một năm hoặc nhiều năm (mục tiêu dài hạn).

Kĩ năng đặt mục tiêu giúp chúng ta sống có mục đích, có kế hoạch và có khả năng thực hiện được mục tiêu của mình.

Muốn cho một mục tiêu có thể thực hiện thành công thì phải lưu ý đến những yêu cầu sau:

- Mục tiêu phải được thể hiện bằng những ngôn từ cụ thể; trả lời được những câu hỏi như: Ai? Thực hiện cái gì? Trong thời gian bao lâu? Thời điểm hoàn thành mục tiêu là khi nào?
- Khi viết mục tiêu, cần tránh sử dụng các từ chung chung, tốt nhất là đề ra những việc cụ thể, có thể lượng hoá được.
- Mục tiêu đặt ra cần phải thực tế và có thể thực hiện được; không nên đặt ra những mục tiêu quá khó so với khả năng và điều kiện của bản thân.
- Xác định được những công việc, những biện pháp cụ thể cần thực hiện để đạt được mục tiêu.
- Xác định được những thuận lợi đã có, những địa chỉ có thể hỗ trợ về từng mặt.
- Xác định được những khó khăn có thể gặp phải trong quá trình thực hiện mục tiêu và các biện pháp cần phải làm để vượt qua những khó khăn đó.
- Có thể chia nhỏ mục tiêu theo từng mốc thời gian thực hiện.

#### 16. Kĩ năng đàm nhận trách nhiệm

Đàm nhận trách nhiệm là khả năng con người thể hiện sự tự tin, chủ động và ý thức cùng chia sẻ công việc với các thành viên khác trong nhóm. Khi đàm nhận trách nhiệm, cần dựa trên những điểm mạnh, tiềm năng của bản thân, đồng thời tìm kiếm thêm sự giúp đỡ cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ.

Khi các thành viên trong nhóm có kĩ năng đàm nhận trách nhiệm sẽ tạo được một không khí hợp tác tích cực và xây dựng trong nhóm, giúp giải quyết vấn đề, đạt được mục tiêu chung của cả nhóm, đồng thời tạo sự thoải mái và thăng tiến cho mỗi thành viên.

### 17. Kỹ năng quản lí thời gian

Kỹ năng quản lí thời gian là khả năng con người biết sắp xếp các công việc theo thứ tự ưu tiên, biết tập trung vào giải quyết công việc trọng tâm trong một thời gian nhất định.

Kỹ năng này rất cần thiết cho việc giải quyết vấn đề, lập kế hoạch, đặt mục tiêu và đạt được mục tiêu đó; đồng thời giúp con người tránh được căng thẳng do áp lực công việc.

### 18. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc

Kiểm soát cảm xúc là khả năng con người nhận thức rõ cảm xúc của mình trong một tình huống nào đó và hiểu được ảnh hưởng của cảm xúc đối với bản thân và người khác như thế nào, đồng thời biết cách điều chỉnh và thể hiện cảm xúc một cách phù hợp. Kỹ năng xử lí cảm xúc còn có nhiều tên gọi khác như: xử lí cảm xúc, kiểm chế cảm xúc, làm chủ cảm xúc, quản lí cảm xúc.

Một người biết kiểm soát cảm xúc thì sẽ góp phần giảm căng thẳng, giúp giao tiếp và thương lượng hiệu quả hơn, giải quyết mâu thuẫn một cách hài hoà và mang tính xây dựng hơn, giúp ra quyết định và giải quyết vấn đề tốt hơn.

### 19. Kỹ năng ứng phó với căng thẳng

Trong cuộc sống hàng ngày, con người thường gặp những tình huống gây căng thẳng cho bản thân. Tuy nhiên, có những tình huống có thể gây căng thẳng cho người này nhưng lại không gây căng thẳng cho người khác và ngược lại.

Khi bị căng thẳng, mỗi người có tâm trạng, cảm xúc khác nhau. Cũng có khi là những cảm xúc tích cực nhưng thường là những cảm xúc tiêu cực gây ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ thể chất và tinh thần của con người. Ở một mức độ nào đó, khi một cá nhân có khả năng đương đầu với căng thẳng thì đó có thể là một tác động tích cực, tạo sức ép buộc cá nhân đó phải tập trung vào công việc của mình, bứt phá thành công. Nhưng mặt khác, sự căng thẳng còn có một sức mạnh huỷ diệt cuộc sống cá nhân nếu căng thẳng đó quá lớn, kéo dài và không giải toả nổi.

Khi bị căng thẳng, tùy từng tình huống, mỗi người có thể có cách ứng phó khác nhau. Cách ứng phó tích cực hay tiêu cực khi căng thẳng



phụ thuộc vào cách suy nghĩ tích cực hay tiêu cực của cá nhân trong tình huống.

Kĩ năng ứng phó với căng thẳng là khả năng con người bình tĩnh, sẵn sàng đón nhận những tình huống căng thẳng như là một phần tất yếu của cuộc sống, là khả năng nhận biết sự căng thẳng, hiểu được nguyên nhân, hậu quả của căng thẳng, cũng như biết cách suy nghĩ và ứng phó một cách tích cực khi bị căng thẳng.

Chúng ta cũng có thể hạn chế những tình huống căng thẳng bằng cách sống và làm việc điều độ, có kế hoạch, thường xuyên luyện tập thể dục thể thao, sống vui vẻ, chan hoà, tránh gây mâu thuẫn không cần thiết với mọi người xung quanh, không đặt ra cho mình những mục tiêu quá cao so với điều kiện và khả năng của bản thân...

Kĩ năng ứng phó với căng thẳng rất quan trọng, giúp cho con người:

- Biết suy nghĩ và ứng phó một cách tích cực khi căng thẳng.
- Duy trì được trạng thái cân bằng, không làm tổn hại sức khoẻ thể chất và tinh thần của bản thân.
- Xây dựng được những mối quan hệ tốt đẹp, không làm ảnh hưởng đến người xung quanh.

*Câu hỏi 1: Anh/ Chị hãy kể tên các kĩ năng sống có thể giáo dục trong các hoạt động giáo dục.*

*Câu hỏi 2: Kĩ năng quản lí thời gian có thể được giáo dục trong những hoạt động giáo dục nào và bằng cách nào?*

#### BÀI TẬP

Anh/ Chị hãy đánh dấu ✓ vào những KNS có thể phát triển trong HĐGD ở các bảng mẫu dưới đây:

### Hoạt động văn nghệ

TT	Nội dung giáo dục kỹ năng sống	Mức độ thực hiện
1	Tự nhận thức	
2	Xác định giá trị	
3	Thể hiện sự tự tin	
4	Giao tiếp	
5	Lắng nghe / phản hồi tích cực	
6	Ứng xử văn hoá	
7	Trình bày	
8	Tư duy sáng tạo	
9	Tìm kiếm sự hỗ trợ	
10	Đặt mục tiêu	
11	Ứng phó với căng thẳng	
12	Quản lý thời gian	
13	Kiểm soát cảm xúc	
14	Tư duy phê phán	
15	Giải quyết vấn đề	
16	Đảm nhận trách nhiệm	
17	Giải quyết mâu thuẫn	
18	Thương lượng	
...	....	

### Hoạt động thể dục thể thao

TT	Nội dung giáo dục kỹ năng sống	Mức độ thực hiện
1	Tự nhận thức	
2	Xác định giá trị	
3	Thể hiện sự tự tin	
4	Giao tiếp	
5	Lắng nghe /phản hồi tích cực	
6	Ứng xử văn hoá	
7	Trình bày	
8	Tư duy sáng tạo	
9	Tìm kiếm sự hỗ trợ	
10	Đặt mục tiêu	
11	Ứng phó với căng thẳng	
12	Quản lý thời gian	
13	Kiểm soát cảm xúc	
14	Tư duy phê phán	
15	Giải quyết vấn đề	
16	Đảm nhận trách nhiệm	
17	Giải quyết mâu thuẫn	
18	Thương lượng	
...	....	

## Nội dung 4

---

### TÌM HIỂU PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Anh/ Chị hãy đọc những thông tin dưới đây:

#### 1. Phương pháp dạy học nhóm

– Bản chất:

Dạy học nhóm là một hình thức xã hội của dạy học, trong đó HS của một lớp học được chia thành các nhóm nhỏ trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp.

Dạy học nhóm còn được gọi bằng những tên khác nhau: dạy học hợp tác, dạy học theo nhóm nhỏ.

– Quy trình thực hiện: Tiến trình dạy học nhóm có thể được chia thành 3 giai đoạn cơ bản:

*a. Làm việc toàn lớp: Nhập đề và giao nhiệm vụ*

- Giới thiệu chủ đề.
- Xác định nhiệm vụ các nhóm.
- Thành lập nhóm.

*b. Làm việc nhóm*

- Chuẩn bị chỗ làm việc.
- Lập kế hoạch làm việc.
- Thoả thuận quy tắc làm việc.
- Tiến hành giải quyết các nhiệm vụ.
- Chuẩn bị báo cáo kết quả.

*c. Làm việc toàn lớp: Trình bày kết quả, đánh giá*

- \* Các nhóm trình bày kết quả.
- \* Đánh giá kết quả:
- Ưu điểm: Thông qua cộng tác làm việc trong một nhiệm vụ học tập nhằm phát triển tính tự lực, sáng tạo cũng như năng lực xã hội, đặc biệt là khả năng cộng tác làm việc, thái độ đoàn kết, trách nhiệm, năng lực giao tiếp, sự tự tin cho HS.

- Hạn chế:
- + Dạy học nhóm đòi hỏi thời gian nhiều.
- + Công việc nhóm không phải bao giờ cũng mang lại kết quả mong muốn. Nếu tổ chức và thực hiện kém sẽ dẫn đến kết quả ngược lại với những gì dự định sẽ đạt.
- + Trong các nhóm chưa được luyện tập dễ xảy ra hỗn loạn. Ví dụ, có thể xảy ra chuyện là một HS phụ trách nhóm theo kiểu độc đoán, đa số các thành viên trong nhóm không tham gia thảo luận giải quyết vấn đề mà lại quan tâm đến những việc khác, trong nhóm và giữa các nhóm phát sinh tình trạng đối địch, lo sợ và giận dữ. Khi đó, sự trình bày kết quả làm việc sẽ cũng như bản thân quá trình làm việc của nhóm sẽ không thoả mãn đối với từng thành viên trong nhóm.
- Một số lưu ý:
- + Có rất nhiều cách để thành lập nhóm theo các tiêu chí khác nhau, không nên áp dụng một tiêu chí duy nhất trong cả năm học. Số lượng HS/1 nhóm từ 4 đến 6 HS.
- + Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc mỗi nhóm nhận một nhiệm vụ khác nhau, là các phần trong một chủ đề chung.
- + Các câu hỏi kiểm tra dùng cho việc chuẩn bị dạy học nhóm:
  - Chủ đề có hợp với dạy học nhóm không?
  - Các nhóm làm việc với nhiệm vụ giống hay khác nhau?
  - HS đã có đủ kiến thức, điều kiện cho công việc nhóm chưa?
  - Cần trình bày nhiệm vụ làm việc nhóm như thế nào?
  - Cần chia nhóm theo tiêu chí nào?
  - Cần chuẩn bị điều kiện làm việc nhóm như thế nào?

## 2. Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình

- \* Bản chất: Nghiên cứu trường hợp điển hình là phương pháp sử dụng một câu chuyện có thật hoặc chuyện được viết dựa trên những trường hợp thường xảy ra trong cuộc sống thực tiễn để minh chứng cho một vấn đề hay một số vấn đề. Đôi khi nghiên cứu trường hợp điển hình có thể được thực hiện trên video hay một băng Cát-xét mà không phải trên văn bản viết.
- \* Quy trình thực hiện:
- Các bước nghiên cứu trường hợp điển hình có thể là:

- + HS đọc (hoặc xem, hoặc nghe) về trường hợp điển hình.
- + Suy nghĩ về nó (có thể viết một vài suy nghĩ trước khi thảo luận điều đó với người khác).
- + Thảo luận về trường hợp điển hình theo các câu hỏi hướng dẫn của GV.
- Hạn chế: HS có thể lạc đề nếu trường hợp điển hình đưa ra không phù hợp hoặc câu hỏi thảo luận không tốt.
- Một số lưu ý:
  - + Vì trường hợp điển hình được nêu lên nhằm phản ánh tính đa dạng của cuộc sống thực, nên nó phải tương đối phức tạp, với các tuyến nhân vật và những tình huống khác nhau chứ không phải là một câu chuyện đơn giản.
  - + Trường hợp điển hình có thể dài hay ngắn, tùy từng nội dung vấn đề song phải phù hợp với chủ đề giáo dục, phù hợp với trình độ HS và thời lượng cho phép.
  - + Tùy từng trường hợp, có thể tổ chức cho cả lớp cùng nghiên cứu một trường hợp điển hình hoặc phân công mỗi nhóm nghiên cứu một trường hợp khác nhau.

### 3. Phương pháp giải quyết vấn đề

#### \* Bản chất:

Giải quyết vấn đề là xem xét, phân tích những vấn đề /tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống hằng ngày và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề /tình huống đó một cách có hiệu quả.

#### \* Quy trình thực hiện:

- Xác định, nhận dạng vấn đề /tình huống;
  - Thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề /tình huống đặt ra;
  - Liệt kê các cách giải quyết có thể có;
  - Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết (tích cực, hạn chế, cảm xúc, giá trị);
  - So sánh kết quả các cách giải quyết;
  - Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất;
  - Thực hiện theo cách giải quyết đã lựa chọn;
  - Rút kinh nghiệm cho việc giải quyết những vấn đề, tình huống khác.
- \* Các vấn đề / tình huống đưa ra để HS xử lý, giải quyết cần thoả mãn các yêu cầu sau:
- Phù hợp với trình độ nhận thức của HS.

- Vấn đề/ tình huống phải gắn gũi với cuộc sống thực của HS.
- Vấn đề/ tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.
- \* Tổ chức cho HS giải quyết, xử lý vấn đề/ tình huống cần chú ý:
  - Các nhóm HS có thể giải quyết cùng một vấn đề/ tình huống hoặc các vấn đề/ tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.
  - HS cần xác định rõ vấn đề trước khi đi vào giải quyết vấn đề.
  - Cần sử dụng phương pháp động não để HS liệt kê các cách giải quyết có thể có.
  - Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HS có thể giống hoặc khác nhau.

#### 4. Phương pháp đóng vai

##### \* Bản chất:

Đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được. Việc “diễn” không phải là phần chính của phương pháp này mà điều quan trọng là sự thảo luận sau phần diễn ấy.

##### \* Quy trình thực hiện: Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

- GV nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống, yêu cầu đóng vai cho từng nhóm. Trong đó có quy định rõ thời gian chuẩn bị, thời gian đóng vai của mỗi nhóm.
- Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.
- Các nhóm lên đóng vai.
- Lớp thảo luận, nhận xét về cách ứng xử và cảm xúc của các vai diễn; về ý nghĩa của các cách ứng xử.
- GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã cho.

##### \* Ưu điểm:

- HS được rèn luyện, thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn.
- Gây hứng thú và chú ý cho HS.
- Tạo điều kiện làm phát triển óc sáng tạo của HS.

- Khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của HS theo hướng tích cực.
- Có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.
- \* Hạn chế:
  - Có thể mất nhiều thời gian nếu GV không có kinh nghiệm tổ chức.
  - Một số HS nhút nhát có thể ngưng ngừng không tham gia đóng vai.
  - Sự lặp đi, lặp lại một tình huống đóng vai giữa các nhóm có thể gây nên sự nhàm chán đối với HS.
- \* Một số lưu ý:
  - Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề giáo dục, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.
  - Tình huống không nên quá dài và phức tạp, vượt quá thời gian cho phép.
  - Tình huống phải có nhiều cách giải quyết.
  - Tình huống cần để mở để HS tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho trước “kịch bản”, lời thoại.
  - Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc nhiều nhóm cùng đóng vai.
  - Phải dành thời gian phù hợp cho HS thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.
  - Cần quy định rõ thời gian thảo luận và đóng vai của các nhóm.
  - Trong khi HS thảo luận và chuẩn bị đóng vai, GV nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ HS khi cần thiết.
  - Các vai diễn nên để HS xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận.
  - Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

#### 5. Phương pháp trò chơi

- \* Bản chất: Phương pháp trò chơi là phương pháp tổ chức cho HS tìm hiểu một vấn đề hay thể nghiệm những hành động, những thái độ, những việc làm thông qua một trò chơi nào đó.
- \* Quy trình thực hiện:
  - GV phổ biến tên trò chơi, nội dung và luật chơi cho HS.
  - Chơi thử (nếu cần thiết).
  - HS tiến hành chơi.
  - Đánh giá sau trò chơi.
  - Thảo luận về ý nghĩa giáo dục của trò chơi.



\* **Ưu điểm:**

- Qua trò chơi, HS có cơ hội để thể nghiệm những thái độ, hành vi. Chính nhờ sự thể nghiệm này sẽ hình thành được ở các em niềm tin vào những thái độ, hành vi tích cực, tạo ra động cơ bên trong cho những hành vi ứng xử trong cuộc sống.
- Qua trò chơi, HS sẽ được rèn luyện khả năng quyết định lựa chọn cho mình cách ứng xử đúng đắn, phù hợp trong tình huống.
- Qua trò chơi, HS được hình thành năng lực quan sát, được rèn luyện kỹ năng nhận xét, đánh giá hành vi.
- Bằng trò chơi, việc học tập được tiến hành một cách nhẹ nhàng, sinh động; không khô khan, nhàm chán. HS được lôi cuốn vào quá trình luyện tập một cách tự nhiên, hứng thú và có tinh thần trách nhiệm, đồng thời giải trừ được những mệt mỏi, căng thẳng trong học tập.
- Trò chơi còn giúp tăng cường khả năng giao tiếp giữa HS với HS, giữa GV với HS.

\* **Hạn chế:**

- HS có thể ham vui, kéo dài thời gian chơi, làm ảnh hưởng đến các hoạt động khác của tiết học.
- Sự ganh đua nhau thái quá giữa các cá nhân và nhóm HS trong khi chơi có thể dẫn đến mất đoàn kết trong tập thể HS.
- Ý nghĩa giáo dục của trò chơi có thể bị hạn chế nếu lựa chọn trò chơi không phù hợp hoặc tổ chức trò chơi không tốt.

\* **Một số lưu ý:**

- Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề bài giáo dục, với đặc điểm và trình độ HS THCS, với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời phải không gây nguy hiểm cho HS.
- HS phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi.
- Phải quy định rõ thời gian, địa điểm chơi.
- Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, tạo điều kiện cho HS tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu: từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi.
- Sau khi chơi, GV cần cho HS thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi.

## 6. Phương pháp dự án (hay dạy học theo dự án)

- Dạy học theo dự án là một mô hình dạy học trong đó HS tham gia vào việc tìm hiểu những vấn đề hấp dẫn, kết hợp lí thuyết với thực hành, tự thực hiện, đánh giá kết quả và cuối cùng phải tạo ra được những sản phẩm thực tế. Dự án được phát triển từ những vấn đề mang tính thách thức, không thể giải quyết chỉ bằng kiến thức. Dự án đặt HS vào những vai trò tích cực như: người giải quyết vấn đề, ra quyết định, điều tra viên hay người viết báo cáo.
- Đối với HS, những ích lợi từ dạy học theo dự án gồm:
  - + Tăng tính chuyên cần, nâng cao tính tự lực và thái độ học tập (Thomas, 2000).
  - + Kiến thức thu được tương đương hoặc nhiều hơn so với những mô hình dạy học khác do khi được tham gia vào dự án HS sẽ trách nhiệm hơn trong học tập so với các hoạt động truyền thống khác trong lớp học (Boaler, 1997; SRI, 2000).
  - + Có cơ hội phát triển những kĩ năng phức hợp, như tư duy bậc cao, giải quyết vấn đề, hợp tác và giao tiếp (SRI, 2000).
  - + Có được cơ hội rộng mở hơn trong lớp học, tạo ra chiến lược thu hút những HS thuộc các nền văn hoá khác nhau (Railsback, 2002).
- Với nhiều HS, tính hấp dẫn của hình thức học này xuất phát từ tính thực tiễn của kinh nghiệm. HS đóng vai và thực hiện hành vi của những người đang hoạt động trong một lĩnh vực cụ thể. Khi thực hiện một đoạn video tài liệu về vấn đề môi trường, thiết kế tờ rơi hướng dẫn du lịch, quảng bá về các di tích lịch sử quan trọng ở địa phương, hay thiết kế bài trình bày đa phương tiện về những mặt lợi và hại trong việc xây dựng phố mua sắm, HS đã được tham gia vào những hoạt động đời thường có ý nghĩa vượt ra khỏi phạm vi lớp học.
- Đối với GV, những ích lợi mang lại là việc nâng cao tính chuyên nghiệp và sự hợp tác với đồng nghiệp, cơ hội xây dựng các mối quan hệ với HS (Thomas, 2000). Bên cạnh đó, nhiều GV cảm thấy hài lòng với việc tìm ra được một mô hình triển khai, cho phép hỗ trợ các đối tượng HS đa dạng bằng việc tạo ra nhiều cơ hội học tập hơn trong lớp học. GV cũng nhận thấy rằng người được hưởng lợi nhiều nhất từ dạy học theo dự án là những HS không học tốt được theo cách dạy học truyền thống.
- Hiệu quả mô hình HĐGD theo dự án như sau:
  - + Không có giải pháp định sẵn cho một vấn đề.
  - + Một không khí hoạt động chấp nhận sai sót và thay đổi.

- + HS ra quyết định trong khuôn khổ chương trình.
- + HS thiết kế quá trình tìm kiếm giải pháp.
- + HS có cơ hội thực hành.
- + Việc đánh giá diễn ra liên tục.
- + Có sản phẩm cuối và được đánh giá chất lượng.
- Đối với những HS đã quá quen với các lớp học truyền thống, điều này là sự chuyển đổi từ việc làm theo mệnh lệnh sang thực hiện các hoạt động tự định hướng; từ việc ghi nhớ, nhắc lại sang khám phá, tích hợp và trình bày; từ chỗ lắng nghe và thụ động sang giao tiếp, chịu trách nhiệm; từ việc chỉ biết đến sự kiện, thuật ngữ và nội dung sang thông hiểu các quá trình; từ lý thuyết sang vận dụng lý thuyết; từ chỗ lệ thuộc vào GV sang được trao quyền.
- Những thử thách cụ thể GV sẽ gặp phải khi dạy học theo dự án là:
  - + Nhận diện các tình huống để đem lại sự thành công cho dự án.
  - + Cấu trúc các vấn đề thành những cơ hội học tập.
  - + Hợp tác cùng đồng nghiệp để phát triển các dự án liên môn.
  - + Quản lý quá trình học.
  - + Tích hợp công nghệ hợp lý.
  - + Phát triển các phương pháp đánh giá thực tế.
- Dạy học dự án hay phương pháp dạy học dự án là một phương pháp dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, thực hành. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao trong quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện.
- Phương pháp dạy học theo dự án có các đặc điểm sau:
  - + Định hướng vào người học:
    - Chú ý đến hứng thú và tính tự lập cao của người học: Người học được trực tiếp tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú của cá nhân, khuyến khích tính tích cực, tự lập, tính trách nhiệm, sự sáng tạo của người học. GV đóng vai trò là người tư vấn, hướng dẫn và giúp đỡ.
    - Người học được cộng tác làm việc, lựa chọn nhiệm vụ phù hợp: Các dự án được thực hiện theo nhóm, có sự cộng tác và phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm, rèn luyện tính sẵn sàng và kỹ năng cộng

tác làm việc giữa các thành viên tham gia, giữa GV và người học cũng như các lực lượng xã hội tham gia vào dự án.

+ Định hướng vào thực tiễn:

- Gắn liền với hoàn cảnh: Chủ đề dự án xuất phát từ tình huống của thực tiễn, đời sống xã hội và phù hợp với trình độ của người học.
- Có ý nghĩa thực tiễn xã hội: Các dự án gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống xã hội, với địa phương và với môi trường sẽ mang lại tác động xã hội tích cực.
- Kết hợp giữa lí thuyết và thực hành: Qua quá trình tham gia dự án, người học sẽ được kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết về lí thuyết cũng như rèn luyện kĩ năng hành động và kinh nghiệm thực tiễn.
- Dự án mang nội dung tích hợp: Kết hợp tri thức của nhiều môn học hay lĩnh vực khác nhau để giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp.

+ Định hướng vào sản phẩm: Các sản phẩm tạo ra, không giới hạn trong thu hoạch lí thuyết, mà còn tạo ra sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu.

– Các giai đoạn của phương pháp dạy học dự án:

+ Giai đoạn 1: Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án.

GV và người học cùng đề xuất, xác định đề tài và mục đích dự án, chú ý đến việc liên hệ hoàn cảnh thực tiễn xã hội và đời sống, chú ý đến hứng thú người học cũng như ý nghĩa xã hội của đề tài.

+ Giai đoạn 2: Xác định đề cương, kế hoạch thực hiện.

Cần xác định công việc cần làm, thời gian dự kiến, dự kiến vật liệu, kinh phí, phương pháp tiến hành và phân công cho mỗi thành viên trong nhóm.

+ Giai đoạn 3: Thực hiện dự án, chú ý đến sản phẩm.

Thực hiện các hoạt động trí tuệ và hoạt động thực tiễn, thực hành, những hoạt động này xen kẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Kiến thức lí thuyết, các phương án giải quyết vấn đề được thử nghiệm qua thực tiễn. Trong quá trình đó, sản phẩm của dự án và thông tin mới được tạo ra.

+ Giai đoạn 4: Thu thập kết quả và công bố sản phẩm.

Kết quả thực hiện dự án có thể viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo, luận văn... và được giới thiệu công bố. Sản phẩm có thể là vật chất được tạo ra hoặc hành động phi vật chất.

+ Giai đoạn 5: Đánh giá dự án.

GV và người học đánh giá quá trình thực hiện kết quả cũng như kinh

nghiệm đạt được. Từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án tiếp theo. Kết quả dự án có thể được đánh giá từ bên ngoài.

Việc phân chia các giai đoạn trên chỉ có tính tương đối. Trong thực tế chúng có thể xen kẽ và thâm nhập lẫn nhau. Việc tự kiểm tra, điều chỉnh cần được thực hiện trong tất cả giai đoạn của dự án, phù hợp cấu trúc, nhiệm vụ của từng dự án khác nhau.

- Phân loại phương pháp dạy học dự án:
  - + Phân loại theo sự tham gia của người học: Cá nhân, nhóm HS, một lớp học hay một khối lớp.
  - + Phân loại theo sự tham gia của GV: Dự án dưới sự hướng dẫn của một GV hay của nhiều GV.
  - + Phân loại theo quỹ thời gian:
    - Dự án nhỏ: Thực hiện trong một số giờ học.
    - Dự án trung bình: Thực hiện trong một số ngày.
    - Dự án lớn: Thực hiện với quỹ thời gian lớn, có thể kéo dài nhiều tuần.
  - + Phân loại theo nhiệm vụ:
    - Dự án tìm hiểu (khảo sát thực trạng đối tượng).
    - Dự án nghiên cứu (giải quyết vấn đề, giải thích hiện tượng).
    - Dự án kiến tạo (tạo ra sản phẩm vật chất hành động thực tiễn như trưng bày, biểu diễn...).
  - + Ưu điểm:
    - Gắn lí thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội, giúp việc học tập trong nhà trường giống hơn với việc học tập trong thế giới thật, cùng một nội dung nhưng theo những cách khác nhau.
    - Kích thích động cơ, hứng thú học tập, phát huy tính tự lực, tính trách nhiệm.
    - Phát triển năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp, thúc đẩy suy nghĩ sâu hơn khi gặp các vấn đề khác nhau.
    - Rèn luyện năng lực cộng tác làm việc của người học.
  - + Hạn chế:
    - Dạy học dự án đòi hỏi nhiều thời gian, nó không thể thay thế phương pháp thuyết trình trong việc truyền thụ những tri thức lí thuyết hệ thống.
    - Hoạt động thực hành, thực tiễn khi thực hiện dạy học dự án đòi hỏi phương tiện vật chất và tài chính phù hợp.

- + Một số lưu ý:
- Các dự án học tập cần góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội.
- Nhiệm vụ dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng của HS.
- HS được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân.
- Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp.
- Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm.
- Sản phẩm của dự án không giới hạn trong những thu hoạch lí thuyết; sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu.

#### 7. Một số kĩ thuật dạy học tích cực

##### \* Kĩ thuật chia nhóm:

Có nhiều cách chia nhóm khác nhau:

- Theo số điểm danh, theo các màu sắc, theo các loài hoa, các mùa trong năm...
- Theo biểu tượng.
- Theo hình ghép.
- Theo sở thích.
- Theo tháng sinh.
- Theo trình độ.
- Theo giới tính.
- Ngẫu nhiên.

##### \* Kĩ thuật giao nhiệm vụ:

- Giao nhiệm vụ phải cụ thể, rõ ràng:
- + Nhiệm vụ giao cho cá nhân/nhóm nào?
- + Nhiệm vụ là gì?
- + Địa điểm thực hiện nhiệm vụ ở đâu?
- + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là bao nhiêu?
- + Phương tiện thực hiện nhiệm vụ là gì?
- + Sản phẩm cuối cùng cần có là gì?
- + Cách thức trình bày/ đánh giá sản phẩm như thế nào?

- Nhiệm vụ phải phù hợp với:
  - + Mục tiêu hoạt động.
  - + Trình độ học viên.
  - + Thời gian, không gian hoạt động.
  - + Cơ sở vật chất, trang thiết bị.
- \* Kỹ thuật đặt câu hỏi:
 

Sử dụng câu hỏi có hiệu quả đem lại sự hiểu biết lẫn nhau giữa HS – GV và HS – HS. Kỹ năng đặt câu hỏi càng tốt thì mức độ tham gia của HS càng nhiều; HS sẽ học tập tích cực hơn; việc tập huấn sẽ thành công hơn.
- Mục đích sử dụng câu hỏi:
  - + Kích thích, dẫn dắt HS suy nghĩ, khám phá tri thức mới, tạo điều kiện cho HS tham gia vào quá trình dạy học.
  - + Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng của HS và sự quan tâm, hứng thú của các em đối với nội dung học tập.
  - + Thu thập, mở rộng thông tin, kiến thức.
- Câu hỏi đóng và câu hỏi mở:
  - + Câu hỏi đóng là câu hỏi mà câu trả lời là có hoặc không, đúng hoặc sai... hoặc là câu hỏi chỉ có một câu trả lời đúng.
 

Dạng câu hỏi này đòi hỏi các kiến thức các kiến thức thông tin cần được nhớ lại, tái hiện lại. Dạng câu hỏi này thường được sử dụng để đánh giá. Hình thức câu hỏi: thường sử dụng cụm từ để hỏi ngắn gọn như: ...đúng...sai?... có... không?... đã... chưa?
  - + Câu hỏi mở là câu hỏi có thể đưa ra nhiều cách trả lời và đòi hỏi câu trả lời với nhiều chi tiết hoặc phải giải thích. Dạng câu hỏi này đòi hỏi HS đưa ra ý kiến, quan điểm, quan niệm riêng.
 

Câu hỏi này thường được sử dụng để hướng dẫn gợi mở và phát triển tư duy cho HS.

Hình thức câu hỏi: thường sử dụng những từ để hỏi: Như thế nào? Thế nào? Ra sao? Vì sao?...
- Yêu cầu khi đặt câu hỏi:
  - + Liên quan đến việc thực hiện mục tiêu hoạt động.
  - + Ngắn gọn.
  - + Rõ ràng, dễ hiểu.
  - + Đúng lúc, đúng chỗ.
  - + Phù hợp với trình độ HS.

- + Kích thích suy nghĩ của HS.
- + Phù hợp với thời gian thực tế.
- + Sắp xếp theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.
- + Không hỏi nhiều vấn đề cùng một lúc.
- \* Kỹ thuật khăn trải bàn:
  - HS được chia thành các nhóm 4 người. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy A<sub>0</sub> đặt trên bàn, như là một chiếc khăn trải bàn. 4 thành viên của nhóm sẽ ngồi đối diện với một cạnh của “khăn trải bàn”.
  - Đầu tiên, mỗi thành viên sẽ suy nghĩ và liệt kê tất cả các ý tưởng của mình vào phần cạnh “khăn trải bàn” trước mặt mình.
  - Sau đó nhóm sẽ thảo luận và tìm ra những ý tưởng chung để đưa vào giữa “khăn trải bàn”.
- \* Kỹ thuật 635 (XYZ):
  - Mỗi nhóm 6 người, mỗi người viết 3 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 5 phút về cách giải quyết một vấn đề và tiếp tục chuyển cho người bên cạnh.
  - Tiếp tục như vậy cho đến khi tất cả mọi người đều viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác.
  - Con số 6 – 3 – 5 có thể thay đổi. Đây là một dạng cụ thể của kỹ thuật XYZ, trong đó XYZ là các con số có thể tự quy định.
- \* Kỹ thuật “bể cá”:
 

Kỹ thuật “bể cá” là một kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó nhóm HS ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau. Những HS khác trong lớp ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và ghi chép. Sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì HS quan sát đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những HS thảo luận. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.
- \* Kỹ thuật phòng tranh:
  - Tất cả các thành viên phác họa những ý nghĩ đầu tiên về cách giải quyết vấn đề trên một tờ bìa, rồi dán lên bàn hay lên tường như một triển lãm tranh.
  - Trong một vòng “triển lãm tranh” mỗi một thành viên trình bày suy nghĩ của mình về cách giải quyết (giai đoạn tập hợp).
  - Trong giai đoạn thứ hai của việc tìm lời giải cá nhân, các phương án giải quyết tiếp tục được tìm kiếm.



- Trong giai đoạn đánh giá, tất cả các phương án giải quyết được tập hợp lại và tìm phương án tối ưu.
- \* Kỹ thuật công đoạn:
  - HS được chia thành các nhóm, mỗi nhóm được giao giải quyết một nhiệm vụ khác nhau. Ví dụ: nhóm 1 – thảo luận câu A; nhóm 2 – thảo luận câu B; nhóm 3 – thảo luận câu C; nhóm 4 – thảo luận câu D...
  - Sau khi các nhóm thảo luận và ghi kết quả thảo luận vào giấy A<sub>0</sub>, các nhóm sẽ luân chuyển giấy A<sub>0</sub> ghi kết quả thảo luận cho nhau. Cụ thể là: nhóm 1 chuyển cho nhóm 2; nhóm 2 chuyển cho nhóm 3; nhóm 3 chuyển cho nhóm 4; nhóm 4 chuyển cho nhóm 1.
  - Các nhóm đọc và góp ý kiến bổ sung cho nhóm bạn. Sau đó lại tiếp tục luân chuyển kết quả cho nhóm tiếp theo và nhận tiếp kết quả từ một nhóm khác để góp ý.
  - Cứ như vậy cho đến khi các nhóm đã nhận lại được tờ giấy A<sub>0</sub> của nhóm mình cùng với các ý kiến góp ý của các nhóm khác. Từng nhóm sẽ xem và xử lý các ý kiến của các bạn để hoàn thiện lại kết quả thảo luận của nhóm. Sau khi hoàn thiện, nhóm sẽ treo kết quả thảo luận lên tường lớp học.
- \* Kỹ thuật động não (còn gọi là công não):
 

Động não là kỹ thuật giúp cho HS trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề nào đó. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra cơn lốc các ý tưởng).

  - Động não thường được:
    - + Dùng trong giai đoạn giới thiệu vào một chủ đề.
    - + Sử dụng để tìm các phương án giải quyết vấn đề.
    - + Dùng để thu thập các khả năng lựa chọn và suy nghĩ khác nhau.
  - Động não có thể tiến hành theo các bước sau:
    - + GV nêu câu hỏi hoặc vấn đề (có nhiều cách trả lời) cần được tìm hiểu trước cả lớp hoặc trước nhóm.
    - + Khuyến khích HS phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.
    - + Liệt kê tất cả mọi ý kiến lên bảng hoặc giấy to không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.
    - + Phân loại các ý kiến.
    - + Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng.

- + Tổng hợp ý kiến của HS và rút ra kết luận.
- Động não có ưu điểm:
- + Dễ thực hiện.
- + Không tốn kém.
- + Sử dụng được hiệu ứng cộng hưởng, huy động tối đa trí tuệ của tập thể.
- + Huy động được nhiều ý kiến.
- + Tạo cơ hội cho tất cả thành viên tham gia.
- Một số lưu ý khi sử dụng kĩ thuật động não:
- + Câu hỏi động não phải tạo ra nhiều cách suy nghĩ, nhiều cách giải quyết.
- + Kĩ thuật động não đặc biệt phù hợp với các chủ đề ít nhiều đã quen thuộc trong thực tế cuộc sống của HS.
- + Các ý kiến phát biểu nên ngắn gọn bằng một từ hay một câu thật ngắn.
- + GV không nên đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên.
- + Cần liên hệ với các ý tưởng đã được trình bày.
- + Khuyến khích số lượng các ý tưởng.
- + Cho phép sự tương tượng và liên tượng.
- \* Kĩ thuật  $3 \times 3 \times 3$ :  
Kĩ thuật  $3 \times 3 \times 3$  thường được sử dụng để lấy thông tin phản hồi của HS sau một hoạt động. Cuối hoạt động, GV có thể yêu cầu mỗi HS viết/nói:
  - 3 điều các em cho là tốt hoặc cảm thấy hài lòng.
  - 3 điều các em cho là chưa tốt hoặc cảm thấy chưa hài lòng.
  - 3 điều các em muốn thay đổi hoặc bổ sung.
- \* Kĩ thuật “Trình bày một phút”:  
GV tổ chức cho HS có cơ hội tổng kết lại những gì đã trải nghiệm bằng các bài trình bày ngắn gọn và cô đọng với các bạn cùng lớp. Qua đó, các em có cơ hội tổng kết kiến thức và đặt những câu hỏi về những điều còn băn khoăn, thắc mắc.  
GV nên cho các em vài phút để trả lời các câu hỏi sau: Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo các em, vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?...
- \* Kĩ thuật “Chúng em biết 3”:  
Các HS được lập thành các nhóm 3 người, trong vòng 10 phút, các em sẽ thảo luận về những gì mà các em biết về chủ đề này. Sau đó, các em chọn

ra 3 điểm để trình bày với cả lớp. Mỗi nhóm sẽ cử một em lên trình bày về cả 3 điểm nói trên.

\* Kỹ thuật “Bản đồ tư duy”:

Kỹ thuật này có nghĩa là HS viết một ý tưởng chính ở giữa rồi nghĩ ra các ý tưởng mới có liên quan xoay quanh ý tưởng trung tâm nói trên. Bằng cách tập trung vào các ý tưởng chính viết bằng ngôn ngữ của mình, rồi sau đó phát triển các nhánh và mối liên hệ giữa các ý tưởng này, chính là người học đang lập bản đồ kiến thức theo cách sẽ giúp họ hiểu và nhớ thông tin mới.

*Câu hỏi 1: Những phương pháp nào được sử dụng trong các hoạt động giáo dục kỹ năng sống?*

*Câu hỏi 2: Bạn gặp khó khăn nào khi sử dụng phương pháp dạy học theo dự án? Bạn hãy kể những phương pháp bạn hay sử dụng? Những phương pháp nào bạn chưa bao giờ dùng và tại sao không sử dụng?*

BÀI TẬP

1. Anh/ Chị hãy liệt kê các phương pháp có thể sử dụng khi tổ chức hoạt động văn nghệ chào mừng ngày mùng 8 tháng 3 nhằm giáo dục KNS.

.....  
.....  
.....

2. Anh/ Chị hãy liệt kê các phương pháp có thể sử dụng khi tổ chức hoạt động đón chào năm mới.

.....  
.....  
.....

3. Anh/ Chị hãy liệt kê các phương pháp có thể sử dụng khi tổ chức hoạt động hội cây mùa xuân.

.....  
.....  
.....



## **D. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

Anh/ Chị hãy vui lòng cho biết ý kiến về các vấn đề sau:

1. Những hoạt động nào anh/ chị dễ hiểu nội dung vấn đề?

1

2

3

4

5

2. Những hoạt động nào anh/ chị dễ thực hiện?

1

2

3

4

5

3. Anh/ Chị đề nghị bổ sung những vấn đề nào?



## E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 ban hành Điều lệ trường tiểu học*, 2010.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Văn bản số 4919/BGDĐT-GDTH ngày 17 tháng 8 năm 2010 về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2010 – 2011 đối với giáo dục tiểu học*, 2010.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông – Cấp Tiểu học*, Hà Nội, NXB Giáo dục, 2006.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông – Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*, Hà Nội, NXB Giáo dục, 2006.
5. *Kĩ yếu hội thảo quốc gia về chất lượng giáo dục và giáo dục kĩ năng sống*, Bộ Giáo dục và Đào tạo – UNESCO, Hà Nội, 23–25/9/2003, tr 170–180.
6. *Giáo dục kĩ năng sống ở Việt Nam*, Viện Chiến lược và chương trình giáo dục, Hà Nội, 2006.
7. *Giáo dục kĩ năng sống trong các môn học ở tiểu học*, Tài liệu dành cho GV, lớp 1, 2, 3, 4, 5, Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
8. *Giáo dục lối sống lớp 1*, Tài liệu dùng cho GV trường thực nghiệm, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2009.
9. Lưu Thu Thủy (Chủ biên), *Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho HS lớp 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục, 2010.
10. Lưu Thu Thủy, *Cơ sở khoa học của việc xây dựng chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở tiểu học (V2005–20)*, Hà Nội, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2007.
11. *Life skills education for children in school*, Geneva, WHO, 1997.
12. *Stocktaking of UNICEF supported life skills based education programmes*, UNICEF, 2007.
13. *Hanoi International School, Elementary After School Activities*, Quarter 1, 2, 3, 4, School year 2010 – 2011.

